

# PHÁP GIỚI THỨ ĐỆ SƠ MÔN

## LỜI TỰA CHUNG

Sa-môn Thích Trí Khải ở Núi Thiên thai, chùa Tu Thiền, nương vào kinh luận mà soạn ra Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn gồm ba trăm khoa, chia thành bảy quyển lưu truyền cho người mới học. Lược có ba ý: Một là giúp người đọc kinh xem luận hề thấy pháp môn thì cởi bỏ mê lầm về danh số; hai là vì người hiểu Thánh giáo mà chế ra pháp môn thứ lớp cạn sâu; ba là vì người học ba quán nên dùng các pháp nghĩa lý danh tướng này giúp tâm hiểu rõ mà chuyển làm thì quán giải vô ngại, gặp cảnh chẳng mê. Nếu ở một niệm trong tâm thấu suốt tất cả Phật pháp thì ba quán tự nhiên sáng tỏ. Cho nên nêu ba trăm khoa này gọi là giáo cũng được. Sau danh thì nói lược về thể tướng. Mới soạn được ba quyển thượng, trung, hạ.

## QUYÊN THƯỢNG (PHẦN 1)

### 1. DANH, 2. SẮC.

Nay nói về pháp giới sơ môn trước bắt đầu từ danh sắc mà nói về các pháp bản nguyện là thanh tịnh, dứt danh lìa tướng, không hề có một, huống chi là có hai. Chẳng hai mà nói hai. Vì người tu bị một kỳ vọng báo Ca-la-la chỉ có hai pháp Danh, Sắc. Phải biết danh sắc là cội gốc của tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Danh sắc hay tất cả pháp, nhiếp khắp tất cả, là cội gốc tất cả pháp. Nếu các vị Đại Thánh phân biệt nói tất cả pháp môn thì đều y cứ vào danh sắc mà phân biệt. Không có pháp nào ở ngoài sinh sắc cả. Cho nên luận Trí Độ có bài kệ rằng:

*Trong tất cả các pháp  
Chỉ có danh và sắc  
Nếu muốn quán như thật  
Chỉ phải quán danh sắc  
Tuy tâm si nhiều tướng  
Phân biệt ở việc khác*

*Lại không có pháp nào  
Năm ngoài danh và sắc.*

a. *Danh*: Là tâm chỉ có tên gọi nên gọi là Danh, tức là tâm và pháp số tướng, ứng tuy có dụng (năng) thuyên mà không có chất ngại tìm. Đã khác với sắc mà tâm, ý, thức và các tên gọi khác của các pháp số nên gọi là Danh.

b. *Sắc*: Pháp có hình tướng chất ngại thì gọi là Sắc, đó là mười Nhập và Nhập thiếu phần, đều là pháp chất ngại và có dụng vô tri giác, vì khác với tâm ý thức nên gọi là Sắc.

**2. NĂM ẤM**: là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Kế danh sắc mà nói về năm Ấm. Vì người mê hoặc nên chấp nặng về danh, giáo của Phật, khai danh làm bốn tâm (bốn thứ thuộc tâm), đối với sắc hợp làm năm, năm thứ này gọi chung là Ấm, Ấm có nghĩa là ngăn che, tức là ngăn che các tuệ chân minh xuất thế, mà làm cho sinh tử lớn thêm, tập hợp và tan ra mãi chẳng dứt, nên gọi chung là Ấm.

a. *Sắc Ấm*: Pháp có hình chất ngại gọi là Sắc, Sắc có mười bốn thứ, đó là: Bốn đại, năm căn, năm trần là mười bốn sắc pháp.

b. *Thọ Ấm*: Lãnh nạp (thọ nhân) các duyên gọi là thọ. Thọ có sáu thứ, nghĩa là sáu nhân duyên xúc chạm sinh ra sáu thọ. Nhưng cảnh đã có trái, thuận, khác với chẳng phải trái, chẳng phải thuận. Cho nên sáu thọ đều có thọ khổ, thọ vui và khác với thọ chẳng khổ chẳng vui.

c. *Tưởng Ấm*: Nay lấy chỗ hiểu rõ duyên tướng thì gọi là Tưởng. Tưởng có sáu thứ, làm hiểu rõ tướng sáu trần, nên là sáu tưởng.

d. *Hành Ấm*: Tâm tạo tác, làm cho đến các quả nên gọi là Hành (đi). Hành có sáu, trong kinh Đại Phẩm gọi là sáu Tư, Tư tức là hành, tức là sau sáu tưởng, đều khởi nghiệp bất thiện, nghiệp thiện và nghiệp vô động.

e. *Thức Ấm*: Hiểu rõ cảnh duyên theo gọi là Thức, có sáu thứ tức sáu thức. Phần nhiều các luận sư nói thức ở trước ba tâm. Trong các kinh Đại thừa nói thức ở sau. Nay y theo kinh.

**3. MƯỜI HAI NHẬP**:

Sáu trần nhập bên trong: Mắt nhập, tai nhập, mũi nhập, lưỡi nhập, thân nhập, ý nhập. Sáu trần nhập bên ngoài: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Kề năm Ấm là nói về mười hai nhập. Vì người mê lầm chấp nặng về sắc. Giáo của Phật mở sắc làm mười, tâm chỉ có hai, hợp thành mười

hai, gọi chung là Nhập. Nhập là can thiệp vào, can trăn đối nhau thì có thức sinh. Thức nường can trăn mà chen vào, Căn trăn tức là chỗ vào. Nay mười hai thứ này từ chỗ vào mà được tên, nên gọi là Nhập. Sáu nhập bên trong, sáu pháp này thân thuộc bên trong làm chỗ nường cho thức, nên gọi là Nhập, cũng gọi là Căn. Căn là nghĩa sinh ra sáu thức này, vì có công sinh ra thức nên gọi chung là Căn.

a. *Nhãn nhập* (mắt): Thân đối với sắc, thấy sắc gọi là mắt, mắt là sắc do bốn đại tạo, thể là mười sắc lớp chung mà thành, gọi là bốn đại bốn vi, thân căn vi, nhãn căn vi.

b. *Nhĩ nhập* (tai): Thân đối với tiếng, nghe tiếng gọi là tai. Tai là sắc do bốn đại tạo, cũng là mười sắc lớp chung mà thành gọi là bốn đại, bốn vi, thân căn vi, nhĩ căn vi.

c. *Tỷ nhập* (mũi): Thân đối với hương, nghe hương là mũi. Mũi là sắc do bốn đại tạo, cũng là mười sắc lớp chung mà thành gọi là bốn đại, bốn vi, thân căn vi, tỷ căn vi.

d. *Thiệt nhập* (lưỡi): Thân đối với vị, biết vị gọi là lưỡi. Lưỡi là sắc do bốn đại tạo, cũng là bốn sắc lớp chung mà thành gọi là bốn đại bốn vi, thân căn vi, thiệt căn vi.

e. *Thân nhập* (thân): Sáu phần giả hợp, thể đối với chạm xúc, chạm xúc gọi là Thân. Thân là sắc do bốn đại tạo chỉ có chín sắc tạo thành, gọi là bốn đại bốn vi, thân căn vi.

f. *Ý nhập* (ý): Tâm đối với tất cả pháp có dụng biết pháp nên gọi là Ý. Ý là tâm vương, trong đó trừ các pháp tâm sở, chỉ lấy tâm vương dùng làm ý nhập.

Sáu nhập bên ngoài, sáu pháp này ở ngoài, thức đến nên gọi là Nhập, cũng gọi là Trần. Trần nghĩa là nhiễm ô, vì làm ô nhiễm tình thức, nên gọi chung là Trần.

a. *Sắc nhập*: Tất cả đối với mắt, sắc thấy được gọi là sắc. Sắc có hai thứ nhiếp tất cả sắc. Một là sắc chánh báo thấy được, như sắc thân chúng sinh, các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, v.v...; hai là sắc y báo thấy được, ngoài các sắc vô tri xanh, vàng, đỏ, trắng, v.v...

b. *Thanh nhập* (tiếng): Tất cả sắc đối với tai nghe được gọi là thanh (tiếng). Tiếng có hai thứ nhiếp tất cả tiếng. Một là tiếng từ sắc chánh báo phát ra như tiếng nói của chúng sinh; Hai là tiếng từ sắc y báo phát ra.

c. *Hương nhập*: Tất cả sắc đối với mũi biết được thì gọi là Mùi. Mùi có hai thứ nhiếp tất cả mùi: Một là mùi của sắc chánh báo, như mùi thơm hôi của thân chúng sinh; hai là mùi phát ra từ sắc y báo, là mùi

thơm hôi ngoài các sắc vô tri.

*d. Vị nhập:* Tất cả đối với lưỡi biết được thì gọi là Vị, vì có hai thứ nhiếp tất cả vị: Một là vị của sắc chánh báo, như sáu vị trong thân chúng sinh; hai là vị của sắc y báo là ngoài sáu vị của tất cả sắc vô tri.

*e. Xúc nhập:* Tất cả sắc xúc chạm do thân biết được gọi là xúc. Xúc có hai thứ nhiếp tất cả xúc. Một là Xúc của sắc chánh báo như thân các chúng sinh có mười sáu xúc lạnh nóng, trơn rít, v.v...; hai là xúc của sắc y báo, là ngoài mười sáu xúc như tất cả lạnh nóng, v.v... của tất cả sắc vô tri.

*f. Pháp nhập:* Tất cả pháp đối với ý biết được thì gọi là Pháp. Pháp có hai thứ nhiếp tất cả pháp. Một là tâm pháp, trong đó trừ tâm vương chỉ lấy các pháp tâm sở tương ứng; hai là pháp phi tâm, tức là sắc pháp ở quá khứ, vị lai, các tâm bất tương ứng hành và ba pháp vô vi.

#### **4. MƯỜI TÁM GIỚI:**

- Sáu căn nội giới: 1. Nhãn giới; 2. Nhĩ giới; 3. Tỷ giới; 4. Thiệt giới; 5. Thân giới; 6. Ý giới.

- Sáu trần ngoại giới: 1. Sắc giới; 2. Thinh giới; 3. Hương giới; 4. Vị giới; 5. Xúc giới; 6. Pháp giới.

- Sáu thức giới: 1. Nhãn thức giới; 2. Nhĩ thức giới; 3. Tỷ thức giới; 4. Thiệt thức giới; 5. Thân thức giới; 6. Ý thức giới.

Kế mười hai nhập là nói về mười tám giới. Vì người mê lầm chấp nặng về danh sắc, nên khai sắc thành mười, lìa danh làm tám, hợp thành mười tám giới, gọi chung là Giới. Vì giới là nghĩa khác, vì mười tám pháp này đều có thể riêng, nghĩa không nhầm lẫn nên được gọi là giới.

- Sáu căn nội giới, đầy đủ như trước nói, nhập vào sáu phân biệt tướng ấy. Lại thân nghĩa giới là muốn giúp người tu quán suy ra không nhầm lẫn, chẳng trệ ngại, vọng chấp mười sáu tri kiến.

- Sáu trần ngoại giới. Đây đủ như trước vào trong ngoài sáu trần mà phân biệt tướng nó, thêm vào danh nghĩa của giới là ý đồng với sáu căn, trong đó đặt tên là giới.

- Sáu thức giới: Nếu căn trần đối nhau thì sinh ra thức, thức là nghĩa phân biệt mà biết. Thức nương vào căn có khả năng phân biệt biết các trần. Cho nên sáu thức này gọi chung là Thức. Nếu hiểu rõ Thức từ duyên sinh thì đâu chấp có thần làm cho biết nhầm lẫn.

a. Nhãn thức giới, mắt đối với sắc trần liền sinh nhãn thức. Khi nhãn thức sinh thì biết ngay sắc trần, nên gọi là Nhãn thức giới.

b. Nhĩ thức giới, tai đối với thanh trần liền sinh nhĩ thức. Khi nhĩ thức sinh thì liền biết thanh trần, nên gọi là Nhĩ thức giới.

c. Tỷ thức giới, mũi đối với hương trần liền sinh tỷ thức. Khi tỷ thức sinh thì liền biết hương trần nên gọi là Tỷ thức giới.

d. Thiệt thức giới, lưỡi đối với vị trần liền sinh thiệt thức, khi thiệt thức sinh thì liền biết vị trần, nên gọi là Thiệt thức giới.

e. Thân thức giới, thân căn đối với xúc trần liền sinh thân thức. Khi thân thức sinh thì liền biết xúc trần, nên gọi là Thân thức giới.

f. Ý thức giới, năm thức sinh rồi liền mất, ý là ý thức, ý thức này tiếp tục sinh. Khi ý thức sinh liền biết Pháp trần. Nếu năm thức sinh ra ý thức liền dùng năm thức trước làm căn, ý thức sau làm ý thức. Ý thức này diệt, thức kế tiếp tục sinh, cho nên ý thức trước sinh ý thức sau. Như thế cũng thoát truyền gọi là tên căn thức, đều dùng năng sinh làm căn, sở sinh làm thức. Nay nói thức sở sinh là ý thức giới.

**5. MƯỜI SÁU TRI KIẾN:** 1. Ngã; 2. Chúng sinh; 3. Thọ giả; 4. Mạng giả; 5. Sinh giả; 6. Dưỡng dục; 7. Chúng số; 8. Nhân; 9. Tác giả; 10. Sử tác giả; 11. Khởi giả; 12. Sử khởi giả; 13. Thọ giả; 14. Sử thọ giả; 15. Tri giả; 16 Kiến giả.

Kế là Danh Sắc Ấm, Nhập, Giới: nói về mười sáu tri kiến. Trong các pháp như danh sắc, v.v... thì thân ngã vốn chẳng thật có mà người chưa thấy đạo thì đều đối với pháp danh sắc mà vọng chấp có ngã, ngã sở, chấp tâm của ngã trải duyên nói lược thì có mười sáu tri kiến khác nhau. Rộng đối các duyên thì vọng chấp chẳng thể đếm hết, do đây mà điên đảo khởi đủ tất cả phiền não hạnh nghiệp sinh tử. Nay vì muốn ở sau nói Sinh không và pháp, không tất cả các quán môn phải khéo biết pháp giả thật, cho nên lược nương theo luận Đại Trí Độ mà giải thích.

1. Ngã: nếu đối với các pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, Giới, v.v... không gì chẳng rõ ràng thì trong hoặc tức hoặc lìa mà vọng chấp có ngã và ngã sở là thật, cho nên đặt tên là Ngã.

2. Chúng sinh, đối với Danh Sắc, Ấm, Nhập, Giới, v.v... các pháp hòa hợp mà vọng chấp có ngã sinh, nên gọi là Chúng sinh.

3. Thọ giả, đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, Giới, v.v... mà vọng chấp có ngã, có nhận, quả báo trong một thời kỳ, (tuổi thọ) có dài ngắn, nên gọi là thọ giả.

4. Mạng giả, đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp mạng căn của ta có thành tựu liên tục chẳng dứt, nên gọi là mạng giả.

5. Sinh giả: đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta năng khởi các việc như cha sinh con, nên gọi là Sinh. Cũng chấp ta thọ sinh đến cõi người, nên gọi là Sinh.

6. Dưỡng dục: đối với pháp Danh sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta nuôi dưỡng người, nên gọi là dưỡng dục, cũng như chấp ta từ khi sinh ra đến nay đức cha mẹ nuôi dưỡng, nên gọi là dưỡng dục.

7. Chúng số: đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta có các nhân duyên như danh sắc năm chúng, mười hai nhập, mười tám giới, v.v..., đó là các pháp có số nên gọi là chúng số.

8. Nhân: đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta là hành nhân, khác với phi hành nhân, nên gọi là nhân. Cũng vọng chấp ta sinh vào đường người (loài người), khác với các đường khác, nên gọi là Nhân.

9. Tác giả: đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... vọng chấp ta có sức mạnh tay chân, làm ra các việc nên gọi là Tác giả.

10. Sử tác giả: đối với pháp danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta có thể sai khiến người nên gọi là Sử tác giả.

11. Khởi giả: đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta tạo ra nghiệp tội phước ở đời sau, nên gọi là Khởi.

12. Sử khởi gia: Đối với pháp Danh sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta có khả năng khiến người khác khởi nghiệp tội phước đời sau, nên gọi là Sử khởi giả.

13. Thọ giả: Đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp thân sau của ta sẽ chịu quả báo tội phước, nên gọi là thọ giả.

14. Sử thọ giả: Đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta sẽ khiến người khác chịu quả báo khổ vui nên gọi là sử thọ giả.

15. Tri giả: Đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta có năm căn biết được năm trần, nên gọi là Tri giả.

16. Kiến giả: Đối với pháp Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới, v.v... mà vọng chấp ta có mắt thấy tất cả sắc. Cũng chấp ta khởi tà kiến, khởi chánh kiến v.v... nên gọi là Kiến.

**6. HAI PHIÊN NÃO KIẾN:** - Ái: Là Kiến phiên não, Ái phiên não.

Kế là mười sáu thứ Danh Sắc, Ấm, Nhập, Giới và ngã v.v... mà nói về Kiến ái. Nếu mê hai pháp giả thật thì đảo tưởng lăng xăng, cho

nên ba cõi trôi lăn không bờ bến đều là phiền não khiến cho như thế. Nếu nói về cõi rể phiền não thì chẳng ngoài kiến ái phân biệt chi nhành thì khoa mục rất nhiều. Đó là ba độc, năm cái, mười sử, chín mươi tám phiền não, tám muôn bốn ngàn cho đến số trần sa. Các khoa mục này tuy số có nhiều ít mà đồng là năng lực phiền não nuôi sống, thể nó không khác. Chỉ giáo môn khéo léo bèn y cứ số thêm bớt mà chế lập ra. Cho nên kinh Anh Lạc chép: hai pháp Kiến trước mê sắc tâm pháp giới, khởi ra tất cả phiền não ba cõi, gọi chung là phiền não. Phiền là ồn náo phiền hà, não là bức loạn, là pháp hay ôn ào, phiền hà bức loạn tâm thần người tu, khiến chân minh không được khai phát, nên gọi là Phiền não.

1. Kiến phiền não: Tà tâm quán lý gọi là Kiến, nếu đối với Lý giả thật mà tình mê đảo tưởng tà cầu, tùy thấy (thiên lệch) vọng chấp là thật, nên gọi chung là Kiến. Kiến phiền não là năm lợi sử, tám mươi tám sử và sáu mươi hai kiến do thất đế mà dứt trừ.

2. Ái phiền não: Tâm tham nhiễm gọi là ái. Nếu đối với hai việc giả thật mà tình mê tùy tâm, đối với tất cả sự cảnh nhiễm trước triền miên thì gọi chung là ái. Ái phiền não tức là năm Độn sử, mười sử do Tư duy mà dứt trừ và sở đoạn kết lưu ái, ách triền, cái triền, v.v...

### **7. BA ĐỘC: là tham, sân, si.**

Kế là kiến ái là nói về ba độc. Hai khoa này đã có hợp ly khác nhau, sự phải phân biệt. Nếu hợp thì chỉ lấy một phần si làm kiến, còn một phần khác và tham nhuế thì đều hợp làm ái. Nếu ly thì trong kiến ái đều có ba độc. Như đây trải qua ba cõi, năm hành thì lia khỏi chín mươi tám sử. Tất cả phiền não gọi chung là độc. Độc là trầm độc, phá hoại rất nhiều, nên gọi là trầm độc. Vì nó phá hoại tâm lành xuất thế, nên gọi là Độc.

1. Tham độc: Tâm dẫn lấy gọi là Tham.

Nếu vì mê tâm đối với tất cả cảnh thuận tình dẫn lấy không chán tức là tham độc. Trải qua ba cõi, năm hành, mười lăm tham sử đều là tham độc. Chỉ hai cõi trên phiền não đã mỏng nên gọi là ái riêng.

2. Sân độc: Tâm trái giận nên gọi là Sân. Nếu vì mê tâm đối với tất cả cảnh trái tình liền khởi lên giận dữ, tức là sân độc. Trải cõi dục năm hạnh trở xuống tức có năm sân sử đều là Sân độc. Thường ở hai cõi trên không có sân (hai cõi trên là cõi sắc, và vô sắc).

3. Si độc: Tâm mê hoặc gọi là si, nếu mê tất cả pháp sự lý, vô minh chẳng hiểu biết gì, mê hoặc vọng chấp khởi các tà hạnh, tức là si

độc. Cũng gọi là Vô minh, Vô minh có hai thứ: Một là Tương ứng vô minh, tức là tương ứng cùng khởi với ; tám mươi tám sử như ba cõi, năm hành trở điều lành hai là Bất tương ứng vô minh, tức là mười lăm si sử như ba cõi năm hành trở đi.

**8. NĂM CÁI:** Tham dục cái, Sân nhuế cái, Thùy miên cái, Trạo cử cái và Nghi cái.

Kế ba độc là nói về năm cái: Nếu nói thể ba độc đâu khác năm cái, chỉ khoa mục chẳng đồng, danh tự thêm bớt khác nhau, cho nên kế là phân biệt. Nếu mất tên si độc mà lia pháp si thì là ba cái thùy miên, Trạo hối và nghi, nếu đủ tham, sân thì là năm cái. Nếu khai năm cái thì có vô lượng phiền não gọi chung là Cái. Cái nghĩa là màng che, tức hay làm ngăn che các tâm lành thanh tịnh chẳng được khai phát, nên gọi là Cái. Mà năm cái này sẽ y cứ nói trong chánh chương các thiền nên lược nêu các tướng ấy.

1. Tham dục cái, tâm dẫn lấy không biết thỏa mãn là tham dục. Phân biệt thể tướng thì đủ như trong tham độc đã nói là mười lăm tham sử trong ba cõi, năm hạnh, tức là tham dục cái.

2. Sân nhuế cái, tâm giận dữ gọi là Sân nhuế. Phân biệt thể tướng đủ như trước nói, các thứ sân sử trong năm hạnh cõi dục tức là Sân cái.

3. Thùy miên cái, Ý thức tối tăm gọi là Thùy, năm căn đen tối gọi là Miên. Nếu tâm nương vô ký thì thêm lớn vô minh, cho nên ý thức tối tăm, năm căn mờ tối chẳng biết gì nên gọi là Thùy miên. Nhiều người nói là tăng tâm số pháp, cũng thuộc mười lăm si sử của kiến tư sở đoạn.

4. Trạo hối cái, tà tâm động niệm gọi là Trạo, suy nghĩ lo lắng gọi là Hối. Nếu từ vô minh nhậm chấp thì tâm hý luận động trạo sinh ra đã là trái lỗi, lại suy nghĩ lo lắng thì có hối hận, cũng là tăng tâm số pháp, chánh thuộc ba mươi hai kiến sử của kiến đế sở đoạn. Nó (thuộc) tư duy đoạn, cũng có phần ít.

5. Nghi cái: Tâm si tìm lý do dự chẳng quyết, nên gọi là Nghi. Nếu tu các pháp Đạo định bị vô minh tối tăm chẳng phân biệt được chân ngụy, do đó sinh ra do dự mà tâm không quyết đoán đều gọi là Nghi. Nghi ở thế gian chẳng phải một thứ, nói về nghi chương đạo tức là kiến đế sở đoạn, là mười hai nghi sử của ba cõi bốn hạnh.

### **9. MƯỜI SỬ:**

- Năm độn sử: Tham, sân, vô minh, mạn, nghi.



- Năm lợi sử: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ, kiến thủ.

Kế năm cái là nói về mười sử, đâu có mười sử khác với năm cái. Nếu giáo môn nói cho người tu định, thì được lập số ba độc, năm cái. Nếu nói cho người tu tuệ thì muốn khiến biết hoặc sử đoạn không nhầm, nên phải phân biệt thành mười sử. Rõ ràng như thế. Hai cái tham, sân tức là hai sử tham sân. Thù cái là gốc, tức là si sử. Lìa si thì sinh mạn tức mạn sử, nghi cái tức là nghi sử, đó là năm độn sử. Trạo hối tức là tâm là tà tư trạo động, nếu phân biệt kỹ về tướng nó thì có năm lợi, năm độn sử khác nhau. Mà suy ra thì lại là năm cái mà phân biệt thành mười sử. Nếu khai mười sử thì sinh ra tất cả phiền não. Mười thứ này gọi chung là Sử. Sử là sai khiến, làm cho tâm thần người tu trôi lăn trong ba cõi, nên gọi chung là Sử. Cũng gọi là mười phiền não, nghĩa phiền não như trước đã nói.

1. Tham dục sử: dẫn lấy không thỏa mãn gọi là Tham dục. Phân biệt tướng nó đủ như nói trong tham độc, kiến tư sử đoạn, mười lăm tham trong ba cõi năm hạnh đều là Tham sử.

2. Sân nhuế sử: tâm giận hờn gọi là Sân. Phân biệt tướng nó thì như trong sân độc nói. Là kiến tư sử đoạn năm sân nhuế trong cõi dục năm hành, tức là nhuế sử.

3. Vô minh sử: Tâm mê hoặc chẳng hiểu gọi là Vô minh. Nếu dùng tâm mê duyên cảnh tùy có chỗ khởi thì niệm niệm lỗi mất mà chẳng biết hổ thẹn, đều là si. Là kiến tư sử đoạn, là mười lăm si của ba giới năm hạnh trở xuống, tức là Vô minh sử.

4. Mạn sử, tâm tự ý lại khinh chê người khác gọi là Mạn. Nếu tự ý dòng họ mình giàu sang, có tài năng mà khinh miệt người khác tức là Mạn. Mạn có tám thứ ở dưới sẽ nêu ra cho đến kiến tư sử đoạn, mười mạn trong ba cõi năm hạnh trở xuống đều là Mạn sử.

5. Nghi sử, tâm mê trái lý do dự chẳng quyết định gọi là Nghi. Phân biệt tướng có nói trong Nghi cái, mười hai thứ nghi trong ba cõi bốn hạnh đều là Nghi sử.

6. Thân kiến sử, nếu đối với Danh Sắc, Ấm, Nhập, giới v.v... mà vọng chấp là thân thì gọi là Thân kiến. Nếu vì vô minh không hiểu thì đối với năm Ấm khởi lên hai mươi thứ thân kiến, thì thân kiến có hai mươi thứ kiến đế sử đoạn, trong một hạnh trải ba cõi có hai thứ thân kiến.

7. Biên kiến sử, tâm chấp một bên nên gọi là Biên kiến. Nếu cả bốn bên không hiểu, tùy thấy cho một bên là thật, còn các bên khác đều là nói dối. Như chỗ thấy chấp một bên lẫn nhau thì đều rơi vào biên

kiến. Trải năm Ấm ba đời thì có sáu mươi hai kiến đều là kiến đế sở đoạn hợp thành sáu mươi hai kiến, đồng là kiến một bên. Lại y cứ kiến đế sở đoạn, trong một hạnh trải ba cõi tức là kiến ba biên.

8. Tà kiến sử: tâm tà giữ lý gọi là tà kiến, nếu vô minh chẳng hiểu nhân quả bốn đế tâm tà suy tìm được, thì không có việc ấy, vì đoạn mất gốc lành xuất thế gian, cho đến gốc lành thế gian mà làm hạnh xiển-đề, ấy là tà kiến, là trong kiến đế sở đoạn ba cõi bốn hạnh có mười hai tà kiến.

9. Kiến thủ sử: Đối với pháp không chân thắng mà nhận lầm Niết-bàn, sinh tâm chấp lấy nên gọi là Kiến thủ. Nếu khi hành đạo, tuy vào các thứ quán môn mà chân minh chưa phát, vô minh không rõ liền chấp nhầm sở đắc, cho là chân là thắng, mà sinh tâm chấp trước thì đều gọi là Kiến thủ. Kiến đế sở đoạn ba cõi bốn hạnh có mười hai kiến thủ.

10. Giới thủ sử: Đối với không phải giới mà nhận lầm là giới, giữ lấy vâng làm thì gọi là Giới thủ. Như giữ giới gà, chó, trâu, cho đến chín mươi lăm giới của ngoại đạo cho là chân giới thì đều gọi là Giới thủ. Nếu người tuy giữ giới Phật mà thấy có tướng giới thì cũng là Giới thủ. Kiến đế sở đoạn ba cõi hai hạnh có sáu thứ giới thủ là đó.

**10. CHÍN MƯƠI TÁM SỬ:** Môn Kiến đế có tám mươi tám sử, cõi Dục có ba mươi hai sử, cõi Sắc có hai mươi tám sử, cõi Vô sắc có hai mươi tám sử. Môn Tư duy có mười sử, cõi Dục có bốn sử, cõi Sắc có ba sử.

Kể mười sử là nói về chín mươi tám sử. Chính vì hai đạo hoặc chương Kiến tư khác nhau nên muốn khiến cho người tu quán tinh thức hoặc được tự đoạn trừ hàng phục vô lạm, cho nên giáo môn trải qua ba cõi năm hạnh phân biệt kỹ mười sử thì chín mươi tám, cũng gọi là chín mươi tám phiền não gọi chung là Sử, gọi phiền não là như trước đã giải thích. Nếu lìa chín mươi tám sử thì ra khỏi tất cả phiền não. Nay y theo số người nói chín mươi tám sử. Như người giải luận Thành Thật thì có khác.

- Kiến hoặc tư hoặc cõi Dục có ba mươi hai sử, khổ đế trở xuống có đủ mười sử, Tập đế trở xuống có bảy sử. Trừ thân kiến, biên kiến và giới thủ. Đạo đế trở xuống có tám sử chỉ trừ thân kiến, biên kiến. Cho nên cõi Dục bốn hạnh trở đi gồm có ba mươi hai sử.

Kiến đế hoặc cõi Sắc có hai mươi tám sử, khổ đế trở xuống chín sử trừ thân. Tập đế trở xuống có sáu sử trừ thân và trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ. Đạo đế trở xuống có bảy sử, cũng trừ thân sử và thân

kiến, biên kiến. Cho nên cõi sắc bốn hạnh trở xuống gồm có hai mươi sử.

Kiến đế hoặc cõi Vô Sắc có hai mươi tám. Khổ đế trở xuống có chín sử, Tập đế trở xuống có sáu sử, Diệt đế trở xuống có sáu sử, Đạo đế trở đi có bảy sử hoặc lấy, hoặc trừ, đều phân biệt như trong cõi sắc. Cho nên vô sắc giới bốn hạnh trở đi họp hai mươi tám sử. Hợp ba cõi, bốn đế trở xuống có tám mươi tám sử đều làm chương hoặc kiến đế, vì kiến đạo sở đoạn của Tu-đà-hoàn, phân biệt tướng sử mà nói lược đều như mười sử ở chương môn trước đã nói.

Tư duy hoặc cõi Dục có bốn sử, một là Tham sử, hai là Sân sử, ba là Si sử, bốn là Mạn sử. Sử này từ Tư-đà-hàm hưởng đến tu đạo đoạn, cho đến quả A-na-hàm, chín phẩm mới hết.

Tư duy hoặc cõi Sắc có ba sử: Một là Tham sử, hai là Si sử, ba là Mạn sử. Ba sử này đều là A-la-hán hưởng, dụng tu đạo trí đoạn.

Tư duy hoặc cõi Vô sắc có ba sử là Tham sử, Sân sử và Mạn sử. Cho nên, ba cõi tư duy hoặc gồm có mười sử, đủ ở kiến đế trước, họp thành chín mươi tám sử chỉ ba sử này cũng là A-la-hán hưởng đoạn, đến quả mới hết.

Kế đây phải nêu rộng, khoa mục các phiền não, cái gọi là ba lậu, bốn lưu, bốn phược, tám tà, tám đảo, chín kiết, chín não, mười triền cho đến năm trăm phiền não, tám muôn bốn ngàn các môn trần lao và Hằng hà sa số phiền não, đều từ kiến ái chín mươi tám sử, ly hợp mà luận. Nếu nêu đủ khoa mục, v.v... Nay lược nêu mấy khoa đủ để hiển sáng giáo môn, biết rõ phiền não ly hợp các pháp hoặc chương nhuận sinh khoa mục các phiền não. Đến quyển sáu lại phải tùy chỗ quan trọng mà nêu ra.

### **11. MƯỜI ĐIỀU ÁC:**

- Thân có ba điều ác: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

- Miệng có bốn điều ác: Nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung ác, nói lời thêu dệt.

- Ý có ba điều ác: Tham dục, giận dữ, tà kiến (ngu si).

Kế các kết sử phiền não là nói về mười điều ác. Vì phiền não đã là pháp hoặc loạn, sai khiến tâm thần người tu, làm cho xúc cảnh đều điên đảo, buông lung hoặc tình mà khởi thân miệng ý bị xao động và trái lý. Cho nên ở ba nghiệp khởi lên có đủ mười điều ác, gọi chung là Ác. Ác nghĩa là trái lý, vì mười thứ này đều trái lý mà khởi lên nên gọi là Ác. Cũng gọi là mười bất thiện đạo, vì nó thông với báo khổ, nên

không phải thiện đạo.

1. Sát sinh, là cắt đứt mạng sống tất cả chúng sinh.
2. Trộm cắp, là trộm lấy của cải người khác.
3. Tà dâm, là phạm dâm với người không phải vợ và thiếp mình.
4. Nói dối, là nói dối trá, lừa gạt người khác.
5. Nói hai lưỡi, là nói đâm thọc khiến hai bên đấu tranh có phần

được mất.

6. Nói lời hung ác, là chửi mắng làm nhục, khiến người khác buồn khổ.

7. Nói thêu dệt, là trau chuốt những lời trái với đạo lý.

8. Tham dục, là ham đắm trần cảnh thuận tình.

9. Giận dữ, là đối cảnh trái ý tâm sinh giận dữ.

10. Tà kiến: bác lý nhân quả, tích tìn cầu phước, đều là tà kiến.

Kế đây sẽ nêu ra bốn tội trong, năm tội nghịch, bảy tội nghịch, hủy báng kinh phượng đẳng, v.v... lạm dụng vật của tăng, làm hạnh xiển-đề, mười sáu ác luật nghi. Các khoa mục của nghiệp ác nặng nhẹ đều từ mười điều ác ly hợp phân biệt mà nói. Nay muốn nói về các yếu môn vào đạo nên nêu ra. Đến cuối quyển sáu sẽ nêu rõ.

## **12. MƯỜI ĐIỀU LÀNH:**

- Thân có ba thứ: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.

- Miệng có bốn: Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói hung ác, không nói thêu dệt.

- Ý ba: Không tham dục, không giận hờn, không tà kiến.

Kế mười ác là nói về mười điều lành. Nếu người biết ác là hạnh trái lý, hiện tại tương lai do đây mà chịu khổ thì sẽ dứt ác làm lành, để đời sau luôn hưởng quả vui cõi trên. Do đó, kế mười điều ác là nói về mười điều lành. Nhưng mười điều lành có hai: Một là chỉ, hai là hành. Chỉ thì dứt ác trước chẳng gây khổ cho người. Hành thì tu thắng đức, lợi lạc tất cả. Hai thứ này gọi chung là Thiện; Thiện là nghĩa thuận lý, dứt đảo trở về chân, cho nên nói thuận lý. Chỉ thì dứt ác trọng trùng đảo, hành thì dần về Thiện thắng đạo. Cho nên hai thứ chỉ hành đều gọi là Thiện, hoặc thêm chữ Đạo vì thông đến quả vui.

1. Không sát sinh, tức là chỉ thiện, dứt làm ác sát sinh ở trước, Thiện là phóng sinh.

2. Không trộm cắp, tức là chỉ thiện, là dứt ác trộm cắp của người trước. Thiện là làm việc bố thí.

3. Không tà dâm, tức là chỉ thiện, là dứt ác dâm dục ở trước. Thiện

là cung kính.

4. Không nói dối, tức là chỉ thiện, là dứt ác nói dối ở trước. Thiện là nói lời thành thật.

5. Không nói hai lưỡi, tức là chỉ thiện, là dứt ác nói hai lưỡi ở trước. Thiện là nói lời hòa hợp.

6. Không nói lời hung ác tức là chỉ thiện, là dứt nói lời hung ác ở trước. Thiện là nói lời dịu dàng êm ái.

7. Không nói lời thêu dệt thêm thắt, tức là chỉ thiện, là dứt ác thêu dệt trái lý ở trước. Thiện là nói lời lợi ích có nghĩa lý.

8. Không tham dục, tức là chỉ thiện, là dứt ác ham hố không thỏa mãn. Thiện là quán bất tịnh, quán sáu trần là đối trá, bất tịnh.

9. Không giận dữ, tức là chỉ thiện, là dứt ác giận hờn ở trước. Thiện là thực hành từ nhẫn (nhẫn nhục).

10. Không tà kiến, tức là chỉ thiện, là dứt hành vi ác bác bỏ nhân quả chân chính ở trước. Thiện là thực hành chánh tín qui tâm, chánh đạo, sinh tâm lành trí tuệ.